

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 90/TPHN/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/4.21.CIV. Ngày chứng nhận lần đầu: 17/10/2018. Có hiệu lực: 10/09/2021 ÷ 15/03/2023. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Momiji bánh mì sandwich

2. Thành phần: Bột mì, Đường, Dầu bơ thay thế, Men, Chất ổn định (1422), Muối, Trứng, Sữa bột, Chất bảo quản (282), Hương thực phẩm tổng hợp (hương sữa), Shortening, Chất nhũ hóa (481(i)), Chất điều vị (1104), Chất xử lý bột (1100(i)).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu:** Bánh được đóng gói kín trong màng giấy cuộn có chất liệu OPP/CPP, PP chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- **Qui cách bao gói:** 190 g.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản phẩm của Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.**

▪ Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

▪ ĐT: +84 24 3664 2431, +84 24 3664 9451, +84 24 3668 6334.

▪ Fax: +84 24 3664 2426, +84 24 3668 6349.

▪ Email: cskh@huunghi.com.vn; im-export@huunghi.com.vn

▪ Website: www.huunghi.com.vn

➤ **Sản xuất tại.**

▪ **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị. (H)**

- Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

▪ **Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc. (Y)**

- Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

▪ **Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị miền Nam (M)**

- Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Quyết định 3742/2001/QĐ-BYT về quy định các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm (các chất tạo hương).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Nguyễn Hải

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Momiji bánh mì sandwich	Số: 90/TPHN/2021
---	--------------------------------	-------------------------

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng hình khối chữ nhật, được thái thành các lát hình vuông xếp chồng lên nhau. Các lát bánh vuông mềm, mịn, không móp méo.
- Màu sắc: vỏ bánh màu vàng nâu cánh gián, ruột bánh màu trắng.
- Mùi vị: mùi thơm nhẹ hương sữa, vị ngọt nhẹ.
- Tạp chất lạ: Không có.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E. Coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl.perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số BTNM-M	CFU/g	10 ²

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
2	Chì (Pb)	ppm	0,2

1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxyvalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

2.1. Hướng dẫn sử dụng:

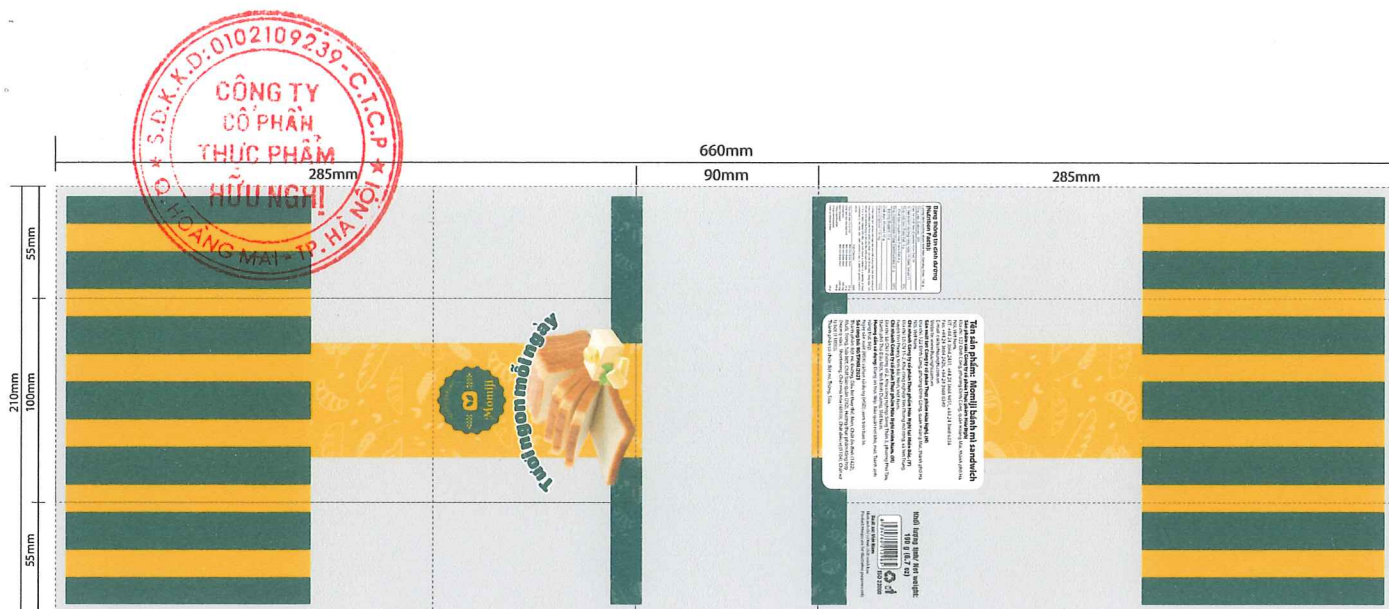
- Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:

- Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ $10 \div 15\text{cm}$, cách tường ít nhất 30 cm.
- Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.





TÊN SẢN PHẨM	XY-HN 34214	Kích thước: 660 mm x 285 mm x 90 mm	CHỖ KÝ KHÁCH HÀNG
SỐ MÃ	07	10/10/2021	PHƯƠNG THỨC IN
		(số lần in)	☒ Trong ☐ Ngoài
			trans (nếu có)

Chú ý: Trước khi ký xác nhận xin vui lòng kiểm tra cẩn thận tất cả các chỉ tiêu (màu sắc, bố cục, nội dung, kích thước, mã vạch...) vì bất kỳ lỗi, nội dung không chính xác sau khi sản xuất chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm.

Bảng thông tin dinh dưỡng (Nutrition Facts):

Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g	
Tổng calo (Calories) 320	
Calo từ chất béo (Calories from Fat) 36	
% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (% Daily Value) (*)	
Tổng chất béo (Total Fat) 4 g	6%
Chất béo chuyển hóa (Trans Fat) 0 g	
Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate) 61 g	20%
Đường (Sugars) 10 g	
Chất đạm (Protein) 10 g	
Canxi (Calcium) 116 mg	11%

(*) Phần trăm dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lời khuyên dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày.
(*) The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to the daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.

	Calo (Calories)	2000
Tổng chất béo (Total Fat)	Nhỏ hơn (Less than)	65 g
Chất béo bão hòa (Sat Fat)	Nhỏ hơn (Less than)	20 g
Cholesterol	Nhỏ hơn (Less than)	300 mg
Natri (Sodium)	Nhỏ hơn (Less than)	2400 mg
Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate)		300 g
Chất xơ (Dietary Fiber)		25 g

Khối lượng tịnh/ Net weight:
190 g (6.7 oz)



ISO 22000

Xuất xứ: Việt Nam

Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Product images are for illustrative purposes only



Tên sản phẩm: Momiji bánh mì sandwich

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 3664 2431, +84 24 3664 9451, +84 24 3668 6334

Fax: +84 24 3664 2426, +84 24 3668 6349

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Website: www.huunghi.com.vn

Sản xuất tại: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị. (H)

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc. (Y)

Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị miền Nam. (M)

Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

Số công bố: 90/TPHN/2021

Thành phần: Bột mì, Đường, Dầu bơ thay thế, Men, Chất ổn định (1422), Muối, Trứng, Sữa bột, Chất bảo quản (282), Hương thực phẩm tổng hợp (hương sữa), Shortening, Chất nhũ hóa (481(i)), Chất điều vị (1104), Chất xử lý bột (1100(i)).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa.



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Bắc Ninh - Nhà máy Đông Thọ: Lô E15+E16+E17 Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam - Nhà máy Bình Dương: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

- Phạm vi được chứng nhận:
1. Sản xuất bánh cracker, lương khô, bánh tươi (bánh gato, bánh mỳ), đồ uống không cồn tại Nhà máy Định Công.
 2. Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mỳ, ruốc, bánh bông lan (cake), bánh quy; Đóng gói mứt, kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
 3. Đóng gói mứt, kẹo tại Nhà máy Đông Thọ.
 4. Sản xuất bánh mỳ, bánh gato, đồ uống không cồn tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/3.21.CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 10/08/2021 đến ngày 15/03/2023

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018

SỐ Y BẢN CHÍNH

Số:/SY - TPHN

Hà Nội, ngày tháng năm 20....



JAS-ANZ



TỔNG CỤC TRƯỞNG
Đo lường, Chất lượng

CHỦ TỊCH

Hội đồng Chứng nhận

ThS. Trần Văn Vinh

TS. Phạm Hồng



TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ

Nguyễn Hữu Thành

ThS. Phạm Lê Cường



VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)

ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0921036/2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: Momiji bánh mì Sandwich
Mô tả mẫu: Mẫu bánh mì đóng gói kín, 1 gói/mẫu, bảo quản nhiệt độ phòng
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 30/09/2021
Thời gian thử nghiệm: 30/09/2021 – 12/10/2021
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01**	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$7,8 \times 10^2$	ISO 4833-1:2013
02**	Coliforms	CFU/g	KPH ($< 1,0 \times 10^1$)	ISO 4832:2006
03**	<i>E.coli</i>	CFU/g	Không có	ISO 16649-2 : 2001
04**	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	0	ISO 6888-1:1999
05**	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	0	ISO 7937:2004
06**	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	0	ISO 7932:2004
07**	<i>Salmonella spp</i>	/25g	Không phát hiện	ISO 6579-1 : 2017
08**	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	KPH ($< 1,0 \times 10^1$)	ISO 21527-1,2 : 2008
09*	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	AOAC 986.15
10*	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	AOAC 971.21
11*	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,002 mg/kg)	AOAC 999.11
12*	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,005 mg/kg)	AOAC 999.11
13*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
14*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
15*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.167 (LC-MS/MS)
16*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	KPH (LOD = 30 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)
17*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	KPH (LOD = 5 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)

Ghi chú: KPH= Không phát hiện. Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử - LOD



Số:...../SY-TPH... Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2021
Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....



Lê Văn Trọng

TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ

Nguyễn Hữu Thành

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.



VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)

ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0921036/1/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Momiji bánh mì Sandwich**
Mô tả mẫu: Mẫu bánh mì đóng gói kín, 1 gói/mẫu, bảo quản nhiệt độ phòng
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 30/09/2021
Thời gian thử nghiệm: 30/09/2021 – 12/10/2021
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01*	Hàm lượng Protein (Nx6,25)	g/100g	10,34	TCVN 8125:2015
02*	Hàm lượng Lipid	g/100g	4,39	FIRI.M.115
03	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	61,53	Ref: AOAC 986.25
04*	Hàm lượng Đường toàn phần	g/100g	10,40	FIRI.M.020 (HPLC)
05	Hàm lượng chất béo bão hòa (Saturated Fat)	g/100g	1,92	AOAC 996.06
06	Hàm lượng chất béo trans (Trans Fat)	mg/100g	KPH (LOD = 1,0 mg/kg)	AOAC 996.06
07*	Hàm lượng Xơ thô	g/100g	0,25	FIRI.M.153 (Ankom method)
08	Hàm lượng Cholesterol	mg/100g	KPH (LOD = 0,5 mg/100g)	FIRI.M.132 (HPLC-PDA)
09*	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/100g	1,12	AOAC 999.11
10*	Hàm lượng Sodium (Na)	mg/100g	290,0	FIRI.M.118 (AAS)
11*	Hàm lượng Canxi (Ca)	mg/100g	116,52	FIRI.M.118 (AAS)

Ghi chú: KPH= Không phát hiện: Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử - LOD

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2021

SAO Y BẢN CHÍNH

Số:...../SY-TPHN

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....



Lê Văn Trọng

TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ

Nguyễn Hữu Thành

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.